

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 28 - 5 - 2024

V/v Tranh chấp về Hôn nhân và gia
đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Linh Nga.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đặng Võ Luyện;

2. Bà Hoàng Thị Thu Hiền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Tuyết Trinh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình.

Trong ngày 28 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 26/2024/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 3 năm 2024 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 59/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh **Lê Thanh S**, sinh năm 1981.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số nhà A, đường T, tổ A, phường T, thành phố T, tỉnh Thái Bình;

Địa chỉ hiện nay: 56073 K - Steinstraße A - Cộng hòa Liên bang Đ.

Căn cước công dân số 034081004450 do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 30/01/2024.

Số hộ chiếu C1825460 do Cục Q cấp ngày 01/6/2016.

Bị đơn: Chị **Đào Thị T**, sinh năm 1985.

Quốc tịch: Đ.

Địa chỉ: E K - Steinstraße A - Cộng hòa Liên bang Đ.

Chứng minh nhân dân số L2T8ZP111 do Cơ quan hành chính Koblenz, Cộng hòa Liên bang Đ1 cấp ngày 14/7/2017.

Số hộ chiếu C2T7J6V05 do Cơ quan hành chính Koblenz, Cộng hòa Liên bang Đ1 cấp ngày 14/7/2017.

(Anh S, chị T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***/ Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:** Tại đơn khởi kiện đề ngày 27/02/2024 và Bản tự khai của nguyên đơn anh Lê Thanh S yêu cầu giải quyết về quan hệ hôn nhân với chị Đào Thị T và trình bày như sau:

Anh Lê Thanh S và chị Đào Thị T tự nguyện tìm hiểu, kết hôn và có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh Thái Bình ngày 12/8/2016. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh sang Đ làm việc, khoảng một năm đầu vợ chồng chung sống bình thường, sau đó bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh và chị T không tìm được việc làm ổn định để tạo dựng kinh tế gia đình, dẫn đến kinh tế gia đình khó khăn, hơn nữa vợ chồng có tính cách trái ngược nhau, lại không có con nên mâu thuẫn mỗi ngày một căng thẳng hơn, từ đó anh và chị T không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống. Anh và chị T đã nói chuyện với nhau nhiều lần nhưng vẫn không thể giải quyết được mâu thuẫn. Anh chị đã ly thân nhau từ năm 2022 đến nay. Xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn không thể hàn gắn được nên anh S đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị T.

Về con chung: Anh và chị T không có con chung, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh và chị T không có tài sản chung, không vay nợ chung, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết về quan hệ tài sản.

Do anh phải quay trở lại Cộng hòa liên bang Đ làm việc nên anh đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt anh.

*** Tại Bản tự khai đề ngày 16/3/2024 của chị Đào Thị T gửi từ Cộng hòa liên bang Đ (có xác nhận của T1 tại Frankfurt am Đ1 – Cộng hòa liên bang Đức), chị T trình bày như sau:**

Chị và anh Lê Thanh S tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn ở Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh Thái Bình ngày 12/8/2016. Trong cuộc sống hàng ngày vợ chồng thường xuyên xảy ra xích mích, cãi vã nhau do quan điểm sống trái ngược nhau. Vợ chồng lại không có con nên tình cảm ngày càng xa cách. Hiện tại chị và anh S không còn tình cảm, để tốt nhất cho cả hai, anh chị đã quyết định ly hôn là phương án cuối cùng. Nay anh S xin ly hôn, chị đồng ý.

Về con chung: Chị và anh S không có con chung, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị và anh S không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị T đang sinh sống và làm việc tại Cộng hòa liên bang Đ1, không thể về Việt Nam để đến Tòa án tham gia giải quyết vụ án được, chị T đề nghị Tòa án giải

quyết, xét xử vắng mặt trong tất cả các buổi làm việc, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên tòa giải quyết vụ án ly hôn giữa chị và anh Lê Thanh S.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Tại thời điểm Tòa án thụ lý vụ án, anh Lê Thanh S đang sinh sống và làm việc tại Cộng hòa liên bang Đức, chị Đào Thị T là người có quốc tịch Đ nên thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình.

[1.2] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án không tiến hành thu thập tài liệu, chứng cứ. Vì vậy, không có sự tham gia của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

[1.3] Sau khi Tòa án tiến hành thụ lý vụ án theo thủ tục chung, anh S đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn như cung cấp Bản tự khai, cung cấp các chứng cứ chứng minh và có đơn đề nghị Tòa án không hòa giải, đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn chị Đào Thị T đã nhận được thông báo thụ lý vụ án của Tòa án, chị T cũng đã gửi Bản tự khai trình bày ý kiến về yêu cầu xin ly hôn của anh S và đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt (văn bản này có xác nhận của T1 tại Frankfurt am Main - Cộng hòa liên bang Đ1). Anh S và chị T đều đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ vào khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Quan hệ hôn nhân giữa anh Lê Thanh S và chị Đào Thị T được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh Thái Bình vào ngày 12/8/2016 nên được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, trong thời gian chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Anh S trình bày nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng sang Đ sinh sống không tìm được công việc ổn định dẫn đến kinh tế gia đình khó khăn, bên cạnh đó vợ chồng lại có tính cách trái ngược nhau; chị T trình bày mâu thuẫn phát sinh là do quan điểm sống trái ngược nên vợ chồng thường xuyên xảy ra xích mích, cãi vã. Anh chị cũng đều thống nhất cho rằng do vợ chồng không có con nên tình cảm vợ chồng ngày càng xa cách, cả hai xác định đến nay tình cảm vợ chồng không còn. Anh S xin ly hôn, chị T đồng ý ly hôn, thể hiện việc cả hai không muốn duy trì cuộc sống hôn nhân nữa. Hội đồng xét xử thấy mâu thuẫn của anh chị đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cần xử cho anh S ly hôn chị T là phù hợp pháp luật.

[2.2] Về nuôi con chung: Anh S, chị T trình bày anh chị không có con chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[2.3] Về chia tài sản: Anh S, chị T đều xác định anh chị không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[2.4] Về án phí: Anh S phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[2.5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 228; Điều 238; Điều 271; 273; 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý án phí, lệ phí Tòa án.

[1] Về hôn nhân: Xử cho anh Lê Thanh S được ly hôn chị Đào Thị T.

[2] Về nuôi con chung: Không đặt ra giải quyết.

[3] Về chia tài sản: Không đặt ra giải quyết.

[4] Về án phí: Anh Lê Thanh S phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng anh S đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai số 0000109 ngày 05 tháng 3 năm 2024 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thái Bình sang thi hành án phí.

[5] Về quyền kháng cáo: Anh S, chị T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thái Bình;
- Cơ quan thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu Hành chính tư pháp./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀN**

(đã ký)

Nguyễn Thị Linh Nga

